TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày 19-7-2022
'V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Luân và bà Lê Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Phú - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ An - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 6 năm 2022 và ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-DS ngày 12/4/2022; Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên toà số: 23/TB-TA ngày 09/5/2022; Quyết định tạm ngừng phiên toà số: 01/2022/QĐST-DS ngày 07/6/2022; Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên toà số: 27/TB-TA ngày 29/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu C, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố 4, phường 3, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lâm Chí T, sinh năm 1985 và bà Võ Thị M, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố 4, phường 3, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn: Bà Nguyễn Thị Khánh Thi; sinh năm 1984; địa chỉ: Văn phòng luật sư Trần và Cộng sự, số 117B đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M (Văn bản ủy quyền đề ngày 30/3/2022). Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Vương Thị Tuyết, sinh năm 1986; địa chỉ: Đội 5, Long Hưng, Hải Phú, Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C trình bày:

Ngày 13/02/2018, ông Nguyễn Hữu C có cho vợ chồng ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M vay số tiền là 565.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm triệu đồng); đến ngày 09/9/2018 ông Lâm Chí T có vay thêm của ông Nguyễn Hữu C số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng số tiền vay hai lần là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng) với lãi suất theo thỏa thuận. Từ ngày vay 13/02/2018 đến tháng 4/2019 ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M đã thanh toán xong khoản tiền lãi và đã trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) tiền gốc. Số tiền gốc ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M còn nợ ông Nguyễn Hữu C là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Khoản tiền lãi theo thỏa thuận của số tiền gốc 600.000.000 đồng từ tháng 5/2019 đến ngày 31/10/2021 ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M còn nợ là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Tổng cộng ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M còn nợ ông Nguyễn Hữu C số tiền gốc và tiền lãi đến ngày 31/10/2021 là 710.000.000 đồng (Bảy trăm mười triệu đồng). Theo lời trình bày của ông Lâm Chí T nội dung vay tiền là để bổ sung vào vốn đầu tư xây dựng công trình, sau khi được thanh toán từ các công trình thì sẽ trả dần cả gốc lẫn lãi. Tuy nhiên, đến nay ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M chưa thực hiện việc trả nợ tiền gốc và tiền lãi còn nợ cho ông Nguyễn Hữu C.

Vì vậy, ông Nguyễn Hữu C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M phải trả cho ông Nguyễn Hữu C số tiền còn nợ là 710.000.000 đồng (Bảy trăm mười triệu đồng) để gia đình ông Nguyễn Hữu C giảm bớt sự khó khăn trong cuộc sống.

Tại phiên phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C trình bày:

Ngày 13/02/2018, ông Nguyễn Hữu C có cho vợ chồng ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M vay số tiền là 565.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm triệu đồng); đến ngày 09/9/2018 ông Lâm Chí T có vay thêm của ông Nguyễn Hữu C số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng số tiền vay hai lần là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng). Mặc dù trong các giấy vay tiền giữa hai bên không ghi lãi suất nhưng giữa hai bên có thoả thuận bằng miệng về việc trả lãi suất. Từ ngày vay đến nay, ông Nguyễn Hữu C đã nhận của vợ chồng ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M tổng cộng số tiền là 381.500.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).Trong đó, ông T, bà M chỉ mới trả cho ông C số tiền gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và trả tiền lãi theo thoả thuận bằng miệng giữa hai bên là 371.500.000 đồng (Ba trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng). Cụ thể: ÔngT, bà M đã chuyển khoản vào tài khoản của ông C qua hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã Q là 11 lần với số tiền 145.500.000 đồng (Một trăm bốn

lăm triệu năm trăm nghìn đồng), gồm: Vào ngày 02/7/2018 chuyển 20.000.000 đồng, ngày 28/8/2018 chuyển 15.000.000 đồng, ngày 27/11/2018 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 29/5/2020 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 02/11/2020 chuyển 20.000.000 đồng, ngày 25/12/2020 chuyển 20.000.000 đồng, ngày 01/02/2021 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 28/5/2021 chuyển 15.000.000 đồng, ngày 05/8/2021 chuyển 20.000.000 đồng, ngày 06/8/2021 chuyển 500.000 đồng, ngày 07/10/2021 chuyển 5.000.000 đồng. Ông T, bà M đã chuyển khoản vào tài khoản của ông C qua hệ thống Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị là 5 lần với số tiền 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng), gồm: Vào ngày 27/9/2018 chuyển 11.000.000 đồng, ngày 15/5/2019 chuyển 30.000.000 đồng, ngày 28/11/2019 chuyển 10.000.000 đồng, ngày 08/02/2021 chuyển 5.000.000 đồng, ngày 27/3/2021 chuyển 10.000.000 đồng. Ông C đã nhận tiền mặt của ông T, bà M 04 lần với số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), gồm: Vào ngày 30/10/2019 nhận 16.000.000 đồng, ngày 31/12/2019 nhận14.000.000 đồng, vào tháng 01/2020 nhận 5.000.000 đồng và một lần không nhớ rõ ngày tháng của năm 2020 là 5.000.000đồng.Trong thời gian khoảng từ ngày 10/7/2019 đến ngày 15/7/2019 ông C có nhận số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) từ một người phụ nữ mà ông C không biết tên, địa chỉ cụ thể do ông T gọi điện thoại báo cho ông C đến tại Phòng giao dịch Thành Cổ thuộc Agribank - Chi nhánh thị xã Q (có trụ sở tại chợ thị xã Q). Theo thoả thuận giữa hai bên về việc trả lãi, ngoài số tiền lãi mà ông T, bà M đã trả cho ông C là 371.500.000 đồng (Ba trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) thì đến nay ông T, bà M còn nợ tiền lãi của ông C với số tiền là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Việc hai bên thỏa thuận bằng miệng giữa vợ chồng ông T, bà M phải trả tiền lãi cho ông C được thể hiện rõ là vợ chồng ông T, bà M đã trả một phần tiền lãi cho ông C qua hệ thống các tin nhắn Messenger giữa tài khoản Messenger của ông Nguyễn Hữu C với tài khoản Messenger mang tên ông Lâm Chí T mà ông C đã cung cấp cho Toà án gồm biên bản làm việc ngày 21/4/2022 của Công an thị xã Q và kèm theo một tập tin nhắn gồm 26 trang được in ra từ máy điện thoại di động của ông Nguyễn Hữu C. Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ ngày 28/11/2019 đến ngày 05/12/2019 ông C không nhận số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) của bà Vương Thị Tuyết tại Phòng giao dịch Thành Cổ thuộc Agribank - Chi nhánh thị xã Q (có trụ sở tại chợ thị xã Q) theo như phía bị đơn và bà Vương Thị Tuyết đã trình bày.Vì vậy, nguyên đơn ôngNguyễn Hữu C yêu cầu vợ chồng các bị đơn ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M phải trả cho ông C số tiền gốc còn nợ là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và số tiền lãi còn nợ là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 30/3/2022, các bị đơn ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M trình bày: Ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M với ông Nguyễn Hữu C có mối quan hệ

xã hội thân thiết, vì cần tiền để làm ăn nên ngày 13/02/2018, vợ chồng ông T, bà M có mượn của ông C số tiền 565.000.000 đồng, ngày 09/9/2018 ông T có mượn của ông C số tiền 45.000.000 đồng, đây là nợ riêng của ông T không liên quan đến bà M, nhưng vợ chồng ôngT, bà M thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng ông T, bà M. Như vậy, vợ chồng ông T bà M nợ ông C tổng số tiền là 610.000.000 đồng. Ông C cho vợ chồng ông T bà M mượn, lúc nào ông T bà M thu được tiền về thì sẽ trả cho ông C, việc vay mượn này giữa ôngT, bà M và ông C có lập thành văn bản, trong văn bản hai bên không có thoả thuận về lãi suất. Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì giữa ông T, bà M và ông C có sự thoả thuận về việc vay mượn tài sản, việc vay mượn được lập thành văn bản theo giấy vay tiền đề ngày 13/02/2018 và ngày 09/9/2018, tại hai giấy vay tiền này ông T, bà M và ông C không thỏa thuận về lãi suất nên ông T, bà M chỉ phải trả lại tiền đã vay mượn của ông C mà không phải trả lãi. Quá trình từ lúc mượn đến nay, ông T, bà M đã trả cho ông C nhiều lần với số tiền cụ thể là: Ông T, bà M nhiều lần chuyển khoản và trả bằng tiền mặt cho ông C với số tiền 180.000.000 đồng, số tiền này ông C đã thừa nhận và có văn bản gửi cho toà án thể hiện nội dụng chi tiết các lần trả. Ngoài khoản được ông C thừa nhận trên ra thì ngày 15/7/2019 ông T có chuyển vào tài khoản của ông C để trả nợ số tiền 130.000.000 đồng. Ngoài ra vào tháng 11/2019, ông T, bà M có nhờ bà Vương Thị Tuyết trả bằng tiền mặt cho ông C số tiền 170.000.000 đồng (trả tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã Q. Tổng cộng ông T, bà M đã trả cho ông C số tiền 480.000.000 đồng. Tính đến trước thời điểm ông C đòi tiền (ngày 10/11/2021) thì ông T, bà M chỉ còn nợ ông C số tiền là 130.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 357, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì Hợp đồng vay giữa ông T, bà M với ông C là hợp đồng không kỳ hạn, do đó sau thời điểm ông C thông báo đòi nợ ông T, bà M (ngày 10/11/2021) thì ông T, bà M mới có nghĩa vụ phải trả tiền cho ông C, nhưng do ông T, bà M chậm thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền 130.000.000 đồng còn nợ cho ông C nên ông T, bà M phải chịu trách nhiệm đối với việc chậm thực hiện nghĩa vụ của mình. Do giữa ông T, bà M với ông C không thoả thuận về lãi suất nên lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm (tương ứng với 0,027%/ngày). Như vậy, ông T, bà M phải trả lãi cho ông C trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày có nghĩa vụ (ngày 10/11/2021) đến nay (ngày 30/3/2022) là 4 tháng 20 ngày (tức 140 ngày), với số tiền 130.000.000 đồng x 140 ngày x 0,027% = 4.914.000 đồng. Vì vậy, ông T, bà M chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C, cụ thể ông T, bà M chấp nhận trả cho ông C số tiền là 134.914.000 đồng, trong đó: tiền gốc là 130.000.000 đồng và tiền lãi là 4.914.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn, bà Nguyễn Thị Khánh Thi trình bày: Ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M với ông Nguyễn Hữu C có mối quan hệ

xã hội thân thiết. Vì cần tiền để làm ăn nên ngày 13/02/2018, ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M có mượn của ông Nguyễn Hữu C số tiền 565.000.000 đồng; ngày 09/9/2018, ông T có mượn của ông C số tiền 45.000.000 đồng. Đây là nợ riêng của ông T, không liên quan đến bà M, nhưng ông T và bà M thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng. Như vậy, ông T, bà M nợ ông C tổng số tiền là 610.000.000 đồng. Ông C cho ông T, bà M mượn, lúc nào ông T, bà M thu được tiền về thì sẽ trả cho ông C; việc vay mượn này giữa ông T, bà M và ông C có lập thành văn bản; trong văn bản hai bên không có thỏa thuận về lãi suất. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 thì ông T, bà M và ông C có sự thỏa thuận về việc vay mượn tài sản, việc vay mượn được lập thành văn bản theo Giấy vay tiền đề ngày 13/02/2018 và ngày 09/09/2018, tại 02 giấy vay tiền này ông T, bà M không thỏa thuận lãi suất. Như vậy, ông T, bà M chỉ phải trả lại tiền đã vay mượn của ông C mà không phải trả lãi. Quá trình từ lúc mượn đến nay, ông T, bà M đã trả cho ông C nhiều lần với số tiền cụ thể gồm: Trả bằng chuyển khoản qua ngân hàng Vietcombank: Ngày 27/9/2018 chuyển 11.000.000 đồng; ngày 15/5/2019: Công ty Kiến Minh của ông T chuyển 30.000.000 đồng; ngày 28/11/2019 chuyển 10.000.000 đồng; ngày 08/02/2021 chuyển 5.000.000 đồng; ngày 27/3/2021 chuyển 10.000.000 đồng; tổng là: 66.000.000 đồng. Trả bằng chuyển khoản qua ngân hàng Agribank: Ngày 02/7/2018 chuyển 20.000.000 đồng; ngày 28/8/2018 chuyển 15.000.000 đồng; ngày 27/11/2018 chuyển 10.000.000 đồng; ngày 29/5/2020 chuyển 10.000.000 đồng; ngày 02/11/2020 chuyển 20.000.000 đồng; ngày 25/12/2020 chuyển 20.000.000 đồng; ngày 01/02/2021 chuyển 10.000.000 đồng; ngày 28/5/2021 chuyển 15.000.000 đồng; ngày 05/8/2021 chuyển 20.000.000 đồng; ngày 06/8/2021 chuyển 500.000 đồng; ngày 07/10/2021 chuyển 5.000.000 đồng; tổng là: 145.500.000 đồng. Tổng cộng đã chuyển khoản: 211.500.000 đồng (Hai trăm mười một triệu năm trăm nghìn đồng). Tại chứng cứ mà ông C cung cấp tại Tòa án, cũng như tại phiên xét xử ngày 07/6/2022 và tại biên bản đối chất ngày 17/6/2022 thì ông C thừa nhận là ông T nhiều lần trả cho ông C số tiền mặt là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và vào tháng 7/2019, ông C thừa nhận ông T có nhờ người trả cho ông C số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) tiền mặt tại Ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã Q. Tổng cộng ông C thừa nhận ông T đã trả bằng tiền mặt cho ông C số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Như vậy, vợ chồng ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M đã trả cho ông Nguyễn Hữu C bằng tiền mặt và chuyển khoản với tổng số tiền là: 381.500.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng). Vào tháng 11/2019, ông T, bà M có nhờ bà Vương Thị Tuyết trả bằng tiền mặt cho ông C số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng, trả tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Thị xã Q. Tuy nhiên, ông C không thừa nhận có nhận từ bà Tuyết khoản tiền này,

Tại Công văn số 132 ngày 20/6/2022 của Ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã Q trả lời Văn bản đề nghị cung cấp tài liệu chứng cứ số 26/2022 của TAND thị xã Q là Agribank chi nhánh thị xã Q không cung cấp được dữ liệu hình ảnh Camera được, do đã quá thời gian lưu trữ theo quy định của Agribank. Phía vợ chồng ông T, bà M cũng như vợ chồng ông Cảm, bà Tuyết không có chứng cứ nào cho việc giao nhận tiền này. Số tiền 170.000.000 đồng này phía bị đơn không yêu cầu giải quyết mà sẽ thu thập chứng cứ và khởi kiện tại một vụ kiện khác. Như vậy, tổng cộng ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M đã trả cho ông Nguyễn Hữu C tổng số tiền gốc đã vay là: 381.500.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng). Tính đến trước thời điểm ông C đòi tiền (ngày 10/11/2021) thì ông T, bà M chỉ còn nợ ông C số tiền là: 228.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng). Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015 thì Hợp đồng vay giữa ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M với ông Nguyễn Hữu C là hợp đồng không kỳ hạn; do đó sau thời điểm ông C thông báo đòi nợ ông T, bà M là 10 ngày thì ông T, bà M mới có nghĩa vụ phải trả tiền cho ông C (tức là ngày 20/11/2022); nhưng do ông T, bà M chậm thực hiện nghĩa vụ trả lại số tiền 228.500.000 đồng còn nợ cho ông C nên ông T, bà M phải chịu trách nhiệm đối với việc chậm thực hiện nghĩa vụ của mình. Vì vậy các bị đơn ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M chỉ chịu trách nhiệm đối với phần lãi suất chậm trả tương ứng với số tiền, thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật. Do giữa ông T, bà M và ông C không thỏa thuận về lãi suất nên lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân sự nêu trên là 10%/năm (tương ứng với 0,027%/ngày). Như vậy, ông T, bà M phải trả lãi trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày có nghĩa vụ (ngày 20/11/2021) đến ngày xét xử (ngày 19/7/2022) là 7 tháng 29 ngày (tức 239 ngày), với số tiền: 228.500.000 đồng x 239 ngày x 0,027% = 15.169.861 đồng. Đối với ý kiến trình bày của nguyên đơn cho rằng: Việc hai bên thỏa thuận bằng miệng giữa vợ chồng ông T, bà M phải trả tiền lãi 371.500.000 đồng cho ông C được thể hiện rõ là vợ chồng ông T, bà M đã trả một phần tiền lãi cho ông C qua hệ thống các tin nhắn Messenger giữa tài khoản Messenger của ông Nguyễn Hữu C với tài khoản Messenger mang tên ông Lâm Chí T và hiện vợ chồng ông T, bà M còn nợ ông C 110.000.000 đồng tiền lãi là không có căn cứ nên phía bị đơn không chấp nhận.

Tại bản tường trình đề ngày 28/4/2022, biên bản đối chất ngày 17/6/2022 và tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Vương Thị Tuyết trình bày: Ngày 28/11/2019 bà Tuyết có cho bị đơn ông Lâm Chí T mượn số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), nhưng ông T nhờ bà Tuyết cất giữ số tiền này để khi nào ông T gọi điện thoại rồi nhờ bà Tuyết đến đưa cho ông Nguyễn Hữu C. Sau đó khoảng thời gian từ ngày 28/11/2019 đến ngày 05/12/2019 (bà Tuyết không nhớ rõ ngày, tháng cụ thể), sau khi ông Lâm Chí T gọi điện thoại cho bà Tuyết

nhờ bà Tuyết đến tại Phòng giao dịch Thành Cổ thuộc Agribank - Chi nhánh thị xã Q (có trụ sở tại chợ thị xã Q) để trả nợ cho ông C thì bà Tuyết đã đến tại Phòng giao dịch Thành Cổ thuộc Agribank - Chi nhánh thị xã Q (có trụ sở tại chợ thị xã Q) rồi gặp ông Nguyễn Hữu C và bà Tuyết đã trực tiếp đưa cho ông Nguyễn Hữu C số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Do chưa thu thập được chứng cứ nên bà Tuyết không yêu cầu gì đối với số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) mà ông T đã mượn của bà Tuyết vào ngày 28/11/2019 và đã nhờ bà Tuyết đưa cho ông C. Bà Tuyết sẽ khởi kiện nội dung này trong một vụ án khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý giải quyết, xét xử vụ án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tại các Điều 70, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự .

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C.

Buộc bị đơn vợ chồng ông Lâm Chí T và bà Võ Thị M phải trả cho ông Nguyễn Hữu C số tiền 243.669.861 đồng (Hai trăm bốn mươi ban triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng). Trong đó, tiền còn nợ gốc là 228.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền là 15.169.861 đồng (Mười lăm triệu một trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng).

+ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc đã vay 371.500.000 đồng (Ba trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền nợ lãi 94.830.139 đồng (Chín mươi bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi chín đồng).

+ Buộc nguyên đơn, các bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C đề ngày 22/11/2021, Tòa án nhân dân thị xã Q xác định về quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng được giao kết và thực hiện thông qua ông Nguyễn Hữu C và các bị đơn cư trú tại khu phố 4, phường 3, thị xã Q. Do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng bà M vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C có đơn đề nghị hoãn phiên toà để chờ kết quả của cơ quan có thẩm quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C với vợ chồng bị đơn ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M ký ngày 13/02/2019 và Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C với bị đơn ông Lâm Chí T ký ngày 09/9/2018 là hợp pháp, vì được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định của pháp luật, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về khoản nợ gốc: Ngày 13/02/2019 vợ chồng ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M có vay của ông Nguyễn Hữu C số tiền là 565.000.000 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm triệu đồng); ngày 09/9/2018 ông Lâm Chí T có vay của ông Nguyễn Hữu C số tiền là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng). Số tiền 45.000.000 đồng ông T vay của ông C vào ngày 09/9/2018 đã được vợ chồng ôngT, bà M thống nhất đây là nợ chung của vợ chồng ông T, bà M nên vợ chồng ông T và bà M có vay của ông C với tổng số tiền là 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng). Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C tại phiên toà, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ ngày 02/7/2018 đến nay, ông Nguyễn Hữu C đã nhận của vợ chồng ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M tổng cộng số tiền là 381.500.000 đồng (Ba trăm

tám mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng). Cụ thể: Nguyên đơn nhận của các bị đơn thông qua tài khoản của nguyên đơn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam -Chi nhánh thị xã Q là 11 lần với số tiền 145.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng); nguyên đơn nhận của các bị đơn thông qua tài khoản tại Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương Việt nam - Chi nhánh Quảng Trị là 05 lần với số tiền 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng). Nguyên đơn nhận tiền mặt của các bị đơn 04 lần với số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng); nguyên đơn nhận tiền mặt 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) của các bị đơn từ một người phụ nữ do các bị đơn nhờ người phụ nữ này đưa cho nguyên đơn. Trong tổng số tiền 381.500.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) mà ông C đã nhận của ông T, bà M, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C trình bày quá trình vay giữa ông C với vợ chồng ông T, bà M thoả thuận bằng miệng thì ông T, bà M chỉ mới trả cho ông C số tiền gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), còn lại số tiền 371.500.000 đồng (Ba trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) thì ông T, bà M đã trả cho ông C tiền lãi theo thoả thuận bằng miệng giữa hai bên. Do trong các hợp đồng vay tiền giữa ông C với vợ chồng ông T, bà M không thể hiện vay có lãi suất, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà phía bị đơn không thừa nhận số tiền đã trả 371.500.000 đồng (Ba trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) là trả tiền lãi như nguyên đơn trình bày, nên cần trừ số tiền các bị đơn đã trả cho nguyên đơn là 381.500.000 đồng (Ba trăm tám mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) vào trong số tiền gốc mà các bị đơn đã vay của nguyên đơn 610.000.000 đồng (Sáu trăm mười triệu đồng). Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C số tiền còn nợ gốc đã vay vào các ngày 13/02/2018 và ngày 09/9/2018 là 228.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) (Căn cứ Điều 466 của Bộ Luật dân sự). Cần bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 371.500.000 đồng (Ba trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

Về yêu cầu trả tiền lãi: Tại giấy vay tiền đề ngày 13/02/2018 và giấy vay tiền đề ngày 09/9/2018 giữa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C và các bị đơn ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M không thể hiện về lãi suất cho vay. Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C trình bày quá trình vay mượn giữa ông C với vợ chồng ông T, bà M thỏa thuận bằng miệng về việc trả tiền lãi, nên từ ngày vay 13/02/2018 đến nay ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M đã trả cho ông Nguyễn Hữu C số tiền lãi theo thoả thuận bằng miệng là 371.500.000 đồng (Ba trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) của số tiền gốc

còn lại đã vay 600.000.000 đồng, hiện ông T, bà M còn nợ tiền lãi của ông C với số tiền là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Phía các bị đơn không thừa nhận việc trả lãi, vì khi vay không có thoả thuận về lãi suất vay mà phía các bị đơn chỉ chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền, thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật. Vấn đề này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại các hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn với các bị đơn không thể hiện vay có lãi suất, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà phía các bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc trả tiền lãi mà chỉ chấp nhận trả tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền, thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật. Phía nguyên đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh được số tiền 371.500.000 đồng (Ba trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) mà nguyên đơn đã nhận của phía các bị đơn là tiền lãi, vì các tin nhắn Messenger giữa tài khoản Messenger của ông Nguyễn Hữu C với tài khoản Messenger mang tên ông Lâm Chí T mà ông C đã cung cấp cho Toà án gồm biên bản làm việc ngày 21/4/2022 của Công an thị xã Q và kèm theo một tập tin nhắn gồm 26 trang được in ra từ máy điện thoại di động của ông Nguyễn Hữu C (từ bút lục số 68 đến bút lục 94) không có cơ sở để xem xét, giải quyết về việc vợ chồng ông T, bà M đã trả một phần tiền lãi cho ông C. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận nội dung của nguyên đơn đối với số tiền các bị đơn đã trả 371.500.000 đồng Ba trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền lãi và không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ lãi là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Cần buộc các bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh do chậm trả đối với số tiền gốc còn nợ là 228.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày 20/11/2021cho đến ngày xét xử sơ thẩm 19/7/2022 với lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là 10%/năm. Vì vậy, cần buộc các bị đơn ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C số tiền lãi phát sinh do chậm trả nợ gốc là 15.169.861 đồng (Mười lăm triệu một trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng) (228.500.000 đồng x (10% : 360 ngày) x 239 ngày = 15.169.861 đồng.) (Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự). Cần bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc yêu cầu các bị đơn phải trả lãi là 94.830.139 đồng (Chín mươi bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi chín đồng).

Như vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, buộc các bị đơn ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M phải trả cho ông Nguyễn Hữu C số tiền gốc còn nợ là 228.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền

lãi phát sinh do chậm trả tiền là 15.169.861 đồng (Mười lăm triệu một trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng).

Đối với số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) mà phía bị đơn trình bày là đã nhờ bà Tuyết trả cho ông C vào tháng 11/2019 trong số tiền đã vay vào ngày 13/02/2018 và ngày 09/9/2019. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại bản tường trình đề ngày 28/4/2022, biên bản đối chất ngày 17/6/2022 và tại phiên toà, bà Vương Thị Tuyết cho rằng, khoảng thời gian từ ngày 28/11/2019 đến ngày 05/12/2019, bà Tuyết đã đến tại Phòng giao dịch Thành Cổ thuộc Agribank - Chi nhánh thị xã Q (có trụ sở tại chợ thị xã Q) gặp ông Nguyễn Hữu C và bà Tuyết đã trực tiếp đưa cho ông C số tiền là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Toà án cũng đã có văn bản yêu cầu Agribank - Chi nhánh thị xã Q tiến hành trích xuất camera an ninh tại Phòng giao dịch Thành Cổ thuộc Agribank - Chi nhánh thị xã Q (có trụ sở tại chợ thị xã Q) tại thời điểm từ ngày 28/11/2019 đến ngày 05/12/2019 nhưng không có kết quả, do dữ liệu hình ảnh camera quá thời hạn lưu trữ theo quy định của Agribank (Văn bản số: 132/NHNoQT-KTNQ ngày 20/6/2022 của Giám đốc Agribank -Chi nhánh thị xã Q). Tại phiên toà, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C không thừa nhận nội dung này, đồng thời phía bị đơn và bà Vương Thị Tuyết không yêu cầu Toà án xem xét nội dung này trong vụ án do phía bị đơn chưa thu thập được chứng cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét. Phía bị đơn, bà Vương Thị Tuyết có thể khởi kiện nội dung này theo một vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền không được Toà án chấp nhận (khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự).

Các bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật dân sự, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C.

Buộc các bị đơn vợ chồng ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C số tiền 243.669.861 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng). Trong đó, tiền còn nợ gốc là 228.500.000 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát

sinh do chậm trả tiền là 15.169.861 đồng (Mười lăm triệu một trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi mốt đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải trả thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C phải chịu 22.653.206 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn hai trăm không sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000035 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q. Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu C phải nộp thêm số tiền 6.453.206 đồng (Sáu triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn hai trăm không sáu đồng).

Các bị đơn vợ chồng ông Lâm Chí T, bà Võ Thị M phải chịu 12.183.493 đồng (Mười hai triệu một trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, các bị đơn, người đại diện hợp pháp của các bị đơn có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo phần liên quan của bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Các đương sự; đại diện của đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.